TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ KINH MÔN** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:13/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 02 - 2024
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN – TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền

Các Hội thẩm nhân dân : Ông Nguyễn Văn Xô

Ông Phạm Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ly - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thúy Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 28/02/2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 373/2023/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:02/2024/QĐXX-ST ngày 16 tháng 01 năm 2024; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 02/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05/02/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị La Thị D, sinh năm 1987

ĐKHK: KDC LT 2, phường HA, thị xã KM, tỉnh Hải Dương; Hiện ở: BT 2, phường PĐ, thành phố UB, Quảng Ninh.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Tiến P, sinh năm 1983

ĐKHKTT: KDC LT 2, phường HA, thị xã KM, tỉnh Hải Dương.

Chị D và anh P đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15 tháng 9 năm 2023 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị LaThị D trình bày: Chị và anh Nguyễn Tiến P kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và được đăng ký kết hôn tại UBND phường HA vào ngày 22 tháng 4 năm 2008. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do bất đồng với nhau về quan điểm sống, đôi bên không còn tiếng nói chung, nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, anh P cho chị có mối quan hệ không đúng mực với người đàn ông khác mặc dù không có căn cứ, vợ chồng không còn niềm tin trách nhiệm đối với nhau. Đầu năm 2020, chị và anh P tự sống ly thân. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mâu thuẫn giữa đôi bên không thể khắc phục được, nên

dù Tòa án có tiến hành hòa giải, chị vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh P.

Anh Nguyễn Tiến P trình bày: Anh kết hôn với chị LaThị D trên tinh thần tự nguyện, được đăng ký kết hôn tại UBND phường HA vào ngày 22 tháng 4 năm 2008. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống bình thường, cho đến thời gian gần đây vợ chồng đã nảy sinh những bất đồng trong cuộc sống, bản thân anh cho rằng chị D có mối quan hệ không đúng mực với người đàn ông khác và còn có nhiều yếu tố khác để nảy sinh sự bất đồng trong quan hệ vợ chồng. Tuy nhiên anh không xuất trình tài liệu chứng minh về lời trình bày của mình và đề nghị Tòa án cho anh có thời gian hòa giải với chị D là một năm, nếu hết thời hạn một năm anh và chị D không tự giải quyết được, thì anh đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn giữa anh và chị D theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị D và anh P có hai con chung là cháu Nguyễn Hà A, sinh ngày 20/3/2009 và cháu Nguyễn Nhật K, sinh ngày 29/11/2016. Quá trình hòa giải, chị D và anh P thỏa thuận giao cả hai cháu cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng, anh P tự nguyện không yêu cầu tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Hai cháu Nguyễn Hà A và cháu Nguyễn Nhật K đều có nguyện vọng xin được ở cùng anh P.

Về tài sản chung, riêng, vay nợ: Chị D và anh P đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xác minh tại địa phương phường HA cung cấp: Chị D và anh P đăng ký kết hôn tại UBND phường HA. Quá trình chung sống anh chị nảy sinh mâu thuẫn, hiện anh chị tự sống ly thân. Nay chị D đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, việc nuôi dưỡng con chung, thì địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, chị D có mặt giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn anh P, thay đổi về việc nuôi dưỡng con chung xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Nhật K, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu K và bổ sung chia tài sản chung của vợ chồng đối với số tiền 280.000.000đ. Tại phiên tòa, anh P nhất trí ly hôn cùng chị D, giữ nguyên quan điểm xin được nuôi dưỡng con chung và tài sản chung của vợ chồng.

Đại diện VKSND thị xã Kinh Môn phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng thủ tục tố tụng. Nguyên đơn và Bị đơn đã chấp hành nghiêm chỉnh nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Áp dụng khoản 1 Điều 56; khoản 1, 2 Điều 81; Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị LaThị D được ly hôn với anh Nguyễn Tiến P.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hà A, sinh ngày 20/3/2009 cho anh Nguyễn Tiến P và giao cháu Nguyễn Nhật K, sinh ngày 29/11/2016 cho chị LaThị D trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị D và anh P không yêu cầu giải quyết về việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, riêng, nợ chung: Không đặt ra việc giải quyết trong vụ án.

Về án phí: Chị LaThị D phải nộp 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn của chị LaThị D đối với anh Nguyễn Tiến P có đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường HA, thị xã KM, tỉnh Hải Dương. Quá trình thụ lý anh Nguyễn Tiến P đề nghị Tòa án thị xã Kinh Môn xem xét giải quyết. Do vậy, Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn thụ lý và đưa ra giải quyết vụ án hôn nhân gia đình giữa chị D và anh P là đúng thẩm quyền theo quy định điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị LaThị D kết hôn với anh Nguyễn Tiến P trên tinh thần tự nguyện, được đăng ký kết hôn là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét nguyên nhân gây mâu thuẫn dẫn tới việc chị D đề nghị xin ly hôn anh P, chủ yếu là do vợ chồng bất đồng với nhau về quan điểm sống, đôi bên không có sự chia sẻ, niềm tin và trách nhiệm đối với nhau. Dẫn đến cuộc sống chung không có hạnh phúc. Tại phiên tòa, chị D giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn, anh P nhất trí. Xét quá trình hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, chứng tỏ tình cảm giữa chị D và anh P thực sự không còn, mâu thuẫn giữa đôi bên trầm trọng, mục đích của hôn nhân không thành, nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D. Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình để xử cho chị LaThị D và anh Nguyễn Tiến P được ly hôn là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị LaThị D và anh Nguyễn Tiến P có hai con chung là cháu Nguyễn Hà A, sinh ngày 20/3/2009 và cháu Nguyễn Nhật K, sinh ngày 29/11/2016. Xét nguyện vọng nuôi dưỡng con chung của chị D và anh P, cũng như nguyện vọng người trực tiếp nuôi dưỡng của cháu Hà A và cháu Nhật K là hoàn toàn chính đáng và phù hợp với quy định của pháp luật. Song xét hiện hai cháu vẫn đang ở cùng chị D, điều kiện chăm sóc, ăn học cho các cháu vẫn được đảm bảo, tại phiên tòa anh P xuất trình tài liệu chứng minh về khả năng nuôi dưỡng cũng như đặc thù công việc của anh P hiện vẫn công tác xa gia đình, do vậy việc chăm sóc nuôi dưỡng cả hai con theo nguyện vọng của anh và hai cháu là chưa được đảm bảo. Cần giao cháu Hà A cho anh P và giao cháu Nhật K cho chị D để đảm bảo quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con, cũng như quyền lợi về mọi mặt của con là phù hợp.

[4] Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Chị D và anh P đều không yêu cầu, nên cần chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, vay nợ chung: Anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án. Tại phiên tòa, chị D bổ sung đề nghị chia tài sản chung của vợ chồng đối với số tiền 280.000.000đ. Xét yêu cầu của chị D đã vượt quá quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên không được chấp nhận. Do vậy, không đặt ra việc giải quyết trong vụ án.

Sau này nếu các bên đương sự có đơn yêu cầu giải quyết về việc thay đổi người nuôi dưỡng con chung, cấp dưỡng nuôi con chung, chia tài sản chung, số nợ chung thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án thì chị D phải nộp tiền án phí sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81,82,83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. **Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị LaThị D.

1.Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị LaThị D và anh Nguyễn Tiến P.

2. Về con chung: Giao con chung cháu Nguyễn Hà A, sinh ngày 20/3/2009 cho anh Nguyễn Tiến P và giao cháu Nguyễn Nhật K, sinh ngày 29/11/2016 cho chị LaThị D trực tiếp nuôi dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3.Về yêu cầu cấp dưỡng: Chấp nhận sự tự nguyện của chị LaThị D và anh Nguyễn Tiến P không yêu cầu việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

4. Về chia tài sản, số nợ chung, riêng: Không đặt ra việc giải quyết trong vụ án.

Sau này nếu các bên đương sự có đơn yêu cầu giải quyết về việc thay đổi người nuôi dưỡng con chung, cấp dưỡng nuôi con chung, chia tài sản chung, số nợ chung thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

5. Về án phí: Chị LaThị D phải nộp 300.000đ tiền án phí sơ thẩm ly hôn, nhưng được đối trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số: AA/2023/0000040 ngày 16/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn. Chị D đã nộp đủ.

6. Về quyền kháng cáo: Chị LaThị D và anh Nguyễn Tiến P được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND thị xã Kinh Môn;
- Chi cục THADS thị xã Kinh Môn;
- UBND phường Hiệp An;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ ,VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hiền